TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2019/HNGĐ – ST.
Ngày: 23-7- 2019.
Về việc: Tranh chấp chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Kim Trang.

2/ Ông Nguyễn Anh Trí.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Lài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 471/2017/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017; Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số 04/2018/QĐ – GHXX ngày 29 tháng 3 năm 2018; Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 04/2018/QĐST – HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018; Quyết định về việc tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 01/2019/QĐST – HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019; Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số 06/2019/QĐ – GHXX ngày 07 tháng 5 năm 2019; Về việc: "*Tranh chấp chia tài sản chung"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1968.

Bị đơn : Ông Phạm Văn P – Sinh năm 1969.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Anh H – sinh năm 1966.

2/ Chị Phạm Thị Thiên T– sinh năm 1995.

3/ Chị Phạm Thị Bích T – sinh năm 1997.

4/ Anh Phạm Duy T – sinh năm 2004.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã H1- H2, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T, chị T1: Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1968. Theo các giấy ủy quyền ghi ngày 12/5/2019.

Người đại diện theo pháp luật của anh Phạm Duy T: Ông Phạm Văn P – Sinh năm 1969.

Có mặt bà T, ông P. Vắng mặt ông H (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/10/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/11/2017 và tại bản khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà với ông P kết hôn vào năm 1995, đến năm 2015 thì ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc. Khi ly hôn vợ chồng ông bà có yêu cầu Tòa án phân chia một số tài sản chung, nhưng đối với diện tích 5.493,0 m^2, thửa số 275, tờ bản đồ số 05, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 237024 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 26 tháng 10 năm 2005 đứng tên hộ Phạm Văn P; trên đất có 667 trụ thanh long, 01 bình điện 50KVA thì bà và ông P thỏa thuận tự phân chia. Sau khi Tòa án xử hủy hôn nhân giữa bà với ông P thì ông P không thực hiện theo thỏa thuận, ông sử dụng toàn bộ, không chia cho bà phần tài sản nêu trên. Vì vậy nay bà có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết đối với diện tích 5.493,0m^2 (đo đạc hiện trạng) thuộc thửa số 275, tờ bản đồ số 05, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 237024 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 26 tháng 10 năm 2005 đứng tên hộ Phạm Văn P; trên đất có 650 trụ thanh long và 01 bình điện 50KVA (góp chung với ông H). Khi Tòa án phân chia thì nguyện vọng của bà là được nhận bằng hiện vật, chứ không nhận bằng tiền. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm

Tại bản khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Văn P trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của bà T là đúng. Vào năm 2015 ông được Tòa án xử hủy hôn nhân giữa ông với bà T. Tại thời điểm này thì các tài sản chung khác đã được Tòa án phân chia, còn đối với diện tích 5.493,0 m^2 (đo đạc hiện trạng), thửa số 275, tờ bản đồ số 05, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 237024 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 26 tháng 10 năm 2005 đứng tên hộ Phạm Văn P; trên đất có 650 trụ thanh long, 01 bình điện 50KVA(góp chung với ông H) thì hai bên thỏa thuận về nhà tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng sau khi ly hôn thì ông sử dụng toàn bộ tài sản trên không chia cho bà T, lý do là vì bà T không chịu trả nợ cùng ông, ngoài ra bà T còn đưa người về quậy phá

không để cho ông sống yên ổn, nên ông không phân chia. Ông công nhận diện tích 5.493,0 m^2 (đo đạc hiện trạng) trên đất có 650 trụ thanh long và 01 bình điện 50KVA (hùn chung với ông H) là tài sản chung của ông với bà T trong thời kỳ hôn nhân. Nguồn gốc diện tích đất này là của gia đình ông, nhưng sau khi được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cấp cho vợ chồng ông. Hiện nay tài sản này ông đang sử dụng. Nếu bà T đã yêu cầu thì ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật, Tòa án phân chia như thế nào thì ông nhận phần đó, chứ ông không thỏa thuận gì với bà T.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Anh H trình bày: Vào năm 2017 ông với vợ chồng ông P, bà T có hùn chung hạ một bình điện 50kw. Bình điện này được hạ trên thửa đất số 275, tờ bản đồ số 5 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 237024 cấp ngày 26 tháng 10 năm 2005 đứng tên hộ Phạm Văn P. Khi hạ bình điện ông P là người đứng tên, nhưng ông góp vào ½ giá trị bình điện. Nay bà T yêu cầu chia tài sản có liên quan đến bình điện thì ông có nguyện vọng được nhận lại ½ giá trị bình điện, nhưng vẫn giữ nguyên để ông được tiếp tục sử dụng, còn phần của ông P, bà T thì tự họ quyết định, chứ ông không có ý kiến gì khác. Ông có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự không tự thỏa thuận được và đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xác định diện tích 5.493,0 m^2 (đo đạc hiện trạng), thửa số 275, tờ bản đồ số 05, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 237024 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 26 tháng 10 năm 2005 đứng tên hộ Phạm Văn P; trên đất có 650 trụ thanh long là tài sản chung của bà T, ông P. Riêng 01 bình điện 50KVA xác định của ông Lê Anh H là ½ giá trị, còn lại ½ giá trị là của bà T, ông P. Đề nghị Hội đồng xét xử chia đều bằng hiện vật cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn P mỗi người được nhận ½ số diện tích đất và số tài sản có trên đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản chung với bị đơn ông Phạm Văn P. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn P chung sống với nhau vào năm 1995, đến năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, trước khi kết hôn với ông P thì bà T đã đăng ký kết hôn với người khác. Đến năm 2015 ông P có đơn xin ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc xét xử hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Phạm Văn P với bà Nguyễn Thị T. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp chia tài sản chung". Ông P có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Hơn nữa tài sản tranh chấp là đất và thanh long có trên đất tọa lạc tại huyện Hàm Thuận Bắc. Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại Khoản 14 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a, c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về nội dung:* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo Công văn số 1379/UBND-NC ngày 07/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc xác định:

1. Do hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 204523 ngày 19/11/2001 đứng tên ông Phạm Văn P, sau đó được cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 237024 ngày 26/10/2005 đứng tên hộ ông Phạm Văn P đối với thửa đất số 275, diện tích 5.070m^2 , hiện nay qua làm việc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hàm Thuận Bắc xác định hồ sơ đã thất lạc nên Ủy ban nhân dân huyện không có căn cứ xác định trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận này đúng quy định hay không. Tuy nhiên, qua làm việc với Ủy ban nhân dân xã H1 xác định diện tích đất này có nguồn gốc do ông Phạm Văn P khai hoang, P hóa sử dụng ổn định trước năm 1993 và hộ ông P sử dụng ổn định đến khi cấp giấy, do đó căn cứ nguồn gốc, quá trình sử dụng này thì nội dung cấp giấy là đúng quy định.

2. Thửa đất số 275, diện tích 5.070m^2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 237024 ngày 26/10/2005 đứng tên hộ ông Phạm Văn P, từ khi cấp giấy đến nay thửa đất này chưa được cập nhật điều chỉnh biến động diện tích trên hồ sơ địa chính nên Ủy ban nhân dân huyện không có thông tin về nguyên nhân và hướng xử lý việc biến động diện tích đo đạc hiện trạng tăng lên thành 5.493m^2.

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 237024 ngày 26/10/2005 đứng tên hộ ông Phạm Văn P đối với thửa đất số 275, diện tích 5.070m^2 không phải là diện tích chia bình quân nhân khẩu cho hộ ông P nhưng hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay thất lạc nên Ủy ban nhân dân huyện không có hồ sơ xác định thành viên trong hộ ông P được cấp tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này gồm những ai và quan hệ như thế nào với ông P.

4. Đối với 650 trụ thanh long và bình điện 50kw có trên diện tích hiện nay tranh chấp khi trồng thanh long không đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất và cơ quan có thẩm quyền không lập biên bản vi phạm không xác định được thời gian trồng thanh long. Tuy nhiên, hiện nay chưa có Quyết định xử lý vi phạm nên thanh long được giữ nguyên hiện trạng....".

Tại Công văn số 287/UBND ngày 23/11/2018 của Ủy ban nhân dân xã H1xác định: *Thửa đất số 275 có diện tích 5.070m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 237024, nay đo đạc hiện trạng có diện tích 5.493m^2 , chênh lệch tăng giữa đo đạc hiện trạng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 423m^2. Lý do của sự chênh lệch tăng này là do sai số trong các lần đo (thửa đất này trước đây được đo vẽ tính toán thủ công, nay qua đo đạc theo hệ tọa độ VN2000 thể hiện từng góc cạnh thửa nên diện tích đo đạc chính xác hơn). Xử lý diện tích tăng này đề nghị ông Phạm Văn P đăng ký biến động điều chỉnh tăng diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 237024 đứng tên Phạm Văn P theo quy định Luật đất đai. Số diện tích chênh lệch này được cấp quyền sử dụng đất cho những người được quyền sử dụng đất hợp pháp trong vụ án này.*

Xét thấy, nội dung các Công văn của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc và Ủy ban nhân dân xã H1 đều phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định Nhà nước đã xác lập và thừa nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho hộ ông Phạm Văn P đối với thửa đất số 275 có diện tích 5.070m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 237024 cấp ngày 26/10/2005. Tuy nhiên, số diện tích đất trên không phải là diện tích chia bình quân nhân khẩu cho hộ ông P. Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có

tại hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại Tòa, đủ cơ sở xác định số diện tích đất trên là tài sản chung của bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Văn P. Ngoài ra trên đất có 650 trụ thanh long và 01 bình điện 50kw do bà T, ông P góp ½ giá trị chung với ông Lê Anh H. Đối với diện tích đất chênh lệch giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đo đạc hiện trạng là do sai số trong quá trình đo đạc, nên đề nghị người sử dụng đất đăng ký biến động điều chỉnh theo hiện trạng. Theo biên bản định giá tài sản ngày 16/3/2018 thì: Thửa đất số 275 có diện tích 5.070m^2 (theo đo đạc hiện trạng diện tích 5.493m^2), giá 30.000đ/m^2 = 164.790.000đ; Thanh long 650 trụ x 430.000đ/trụ = 279.500.000đ; 1/2 bình điện 50kw có giá 33.750.000đ. Tổng giá trị tài sản chung của bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Văn P là 478.040.000đ (Bốn trăm bảy mươi T triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng). Nếu chia đôi số tài sản trên thì mỗi người được nhận giá trị bằng tiền là 239.020.000đ (Hai trăm ba mươi chín triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng).

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết chia theo quy định của pháp luật. Bà có nguyện vọng nhận ½ tài sản bằng hiện vật. Còn ông P xác định đây là số tài chung của ông với bà T, nhưng ông không đồng ý thỏa thuận chia cho bà T, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, ông P yêu cầu được nhận toàn bộ số tài sản trên và sẽ hoàn tiền chênh lệch chia tài sản cho bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng: Số tài sản này trước đây ông P cũng đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng trong quá trình hòa giải ông P rút yêu cầu để ông với bà T tự thỏa thuận. Sau thời gian Tòa án xét xử thì ông P cho rằng bà T không trả nợ cùng với ông, nên ông không chia tài sản này cho bà T, nay ông yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản và hoàn tiền chênh lệch cho bà T là không phù hợp, bởi vì ông P không cho bà T quyền trực tiếp sản xuất và hiện nay bà T cũng không có nghề nghiệp ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ trên nguyên tắc bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên về nguyện vọng nhu cầu trong sản xuất, kinh doanh để các bên có điều kiện lao động tạo thu nhập, nên chia cho bà T được quyền sử dụng diện tích đất 2.688.1m^2 trị giá 80.643.000đ, trên đất có 312 trụ thanh long giá 134.160.000đ về hướng Nam của thửa đất. Số tài sản còn lại gồm 2.804.9m^2 trị giá 84.147.000đ, trên đất có 338 trụ thanh long trị giá 145.340.000đ về hướng Bắc của thửa đất chia cho ông P. Do ông P nhận tài sản có giá trị nhiều hơn bà T, nên ông P phải hoàn tiền chênh lệch chia tài sản bà T.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên Tòa các bên đương sự không có yêu cầu giải quyết đối với phần xem xét công sức tạo lập nên khối tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối 01 bình điện 50kw trị giá 67.500.000 do bà T, ông P góp ½ giá trị chung với ông Lê Anh H. Hiện nay bình điện này đang ở trên thửa đất chia cho ông P, nghĩ nên giao cho ông P được quyền tiếp tục sử dụng bình điện này cùng chung với ông H và ông P có nghĩa vụ hoàn tiền chênh lệch giá trị bình điện cho bà T.

Từ những phân tích nêu trên, nên ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc là hoàn toàn có căn cứ.

[3] *Về án phí:*

Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn P mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được chia theo quy định tại Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Lê Anh H, chị Phạm Thị Thiên T, chị Phạm Thị Bích T, anh Phạm Duy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] *Về Chi phí tố tụng:*

Bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Văn P mỗi người phải chịu 2.533.000 đồng chi phí định xem xé, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do bà T đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 5.066.000đ, còn lại số 2.533.000đ do ông P hoàn trả cho bà T.

Ông Lê Anh H, chị Phạm Thị Thiên T, chị Phạm Thị Bích T, anh Phạm Duy T không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 14 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a, c Khoản 1Điều 39, Điều 70, Khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 165, Khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 207, Điều 208, Điều 210, Điều 216, Điều 217, Điều 219, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật Thi hành án.

Tuyên Xử:

Chấp nhận yêu cầu về việc chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị T như sau:

1. Xác định thửa đất 275, diện tích 5.070m^2(theo đo đạc hiện trạng diện tích 5.493m^2) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 237024 ngày 26/10/2005 đứng tên hộ ông Phạm Văn P là tài sản chung của bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Văn P. Ngoài ra trên đất có 650 trụ thanh long và ½ giá trị bình điện 50kw góp chung với ông Lê Anh H.

***** *Chia cho bà Nguyễn Thị T được quyền sở hữu, sử dụng số tài sản gồm:*

- Diện tích đất 2.688,1m^2 trị giá 80.643.000đ, trên đất có 312 trụ thanh long giá 134.160.000đ (về hướng Nam) của thửa đất, thuộc thửa đất số 275, (diện tích đo đạc hiện trạng là 5.493m^2) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 237024 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 26/10/2005 đứng tên hộ Phạm Văn P, có vị trí tứ cận: Đông giáp: Đất bà Nguyễn Thị T; Tây giáp: Đường sỏi; Nam giáp: Đường sỏi; Bắc giáp: Đất ông Phạm Văn P. Tổng trị giá là 214.803.000đ (Hai trăm mười bốn triệu T trăm không ba nghìn đồng).

- Số tiền 16.875.000đ(Mười sáu triệu T trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) giá trị của ¼ bình điện 50kw. Toàn bộ số tài sản trên do ông P giao trả cho bà T.

Diện tích đất trên có trích lục bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 16/3/2018 kèm theo.

* *Chia cho ông Phạm Văn P được quyền tiếp tục sở hữu, sử dụng số tài sản gồm:*

- Diện tích đất 2.804,9m^2 trị giá 84.147.000đ, trên đất có 338 trụ thanh long trị giá 145.340.000đ về hướng Bắc của thửa đất, thuộc thửa đất số 275, (diện tích đo đạc hiện trạng là 5.493m^2) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 237024 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 26/10/2005 đứng tên hộ Phạm Văn P, có vị trí tứ cận: Đông giáp: Đất bà Nguyễn Thị T; Tây giáp: Đường sỏi; Nam giáp: Đất bà Nguyễn Thị T; Bắc giáp: Đất ông Nguyễn Văn H.

Có trích lục bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 16/3/2018 kèm theo.

Ông Phạm Văn P được quyền tiếp tục sở hữu, sử dụng ½ bình điện 50kw góp chung với ông Lê Anh H. Bình điện này có trên diện tích đất 2.804.9m^2 thuộc thửa số 275, (diện tích đo đạc hiện trạng là 5.493m^2) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 237024 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 26/10/2005 đứng tên hộ Phạm Văn P. Tổng trị giá 263.237.000đ(Hai trăm sáu mươi ba triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Ông Phạm Văn P có nghĩa vụ hoàn tiền chênh lệch chia tài sản cho bà Nguyễn Thị T số tiền 24.217.000đ (Hai mươi bốn triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Văn P có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục tách thửa và sang tên chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

" Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác"

2/ Về án phí :

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 11.951.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.250.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0014809 ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc. Còn lại số tiền 9.701.000đ (Chín triệu bảy trăm không một nghìn đồng) bà T phải tiếp tục nộp.

Ông Phạm Văn P phải chịu 11.951.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Anh H, chị Phạm Thị Thiên T, chị Phạm Thị Bích T, anh Phạm Duy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.533.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ định giá tài sản. Do bà T đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 5.066.000đ, còn lại số tiền 2.533.000đ do ông P hoàn trả cho bà T.

Ông Phạm Văn P phải chịu 2.533.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, để hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T.

Ông Lê Anh H, chị Phạm Thị Thiên T, chị Phạm Thị Bích T, anh Phạm Duy Tân không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bạch Tuyết